

Bản án số: 21 /2021/KDTM-ST

Ngày 30/9/2021.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đức Hoàng.**

Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Truyền Bình và ông Nguyễn Xuân Tùng.**

Thư ký phiên tòa: **Bà Ngô Thị Hữu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải Châu: Bà **Nguyễn Thị Ly Na**- Kiểm sát Viên.

Ngày 30/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 33/2021/TLST-KDTM ngày 05 tháng 05 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐST-KDTM ngày 20/7/2021; Thông báo tạm hoãn xét xử và mở lại Phiên tòa số 434/CVB- TA ngày 06/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-KDTM ngày 14/9/2021 giữa:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH MTV C – Địa chỉ: 41 M phường T, quận T, thành phố Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trường S– Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê V, sinh năm 1976. Địa chỉ: 30 K, phường X, quận T, thành phố Đ theo giấy uỷ quyền ngày 02/4/2021. (có mặt).

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần S.

Địa chỉ đăng ký hiện nay: Phòng 206B, số 21 T, phường P, quận H, thành phố Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc Đ, chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt không có lý do).

NHẬN THẤY:

* *Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Nguyễn Lê V trình bày:*

Ngày 18/5/2018, Công ty TNHH MTV C và Công ty Cổ phần S đã ký kết với nhau hợp đồng thi công cửa UPVC số 07/20218/HĐ/UPVC thuộc dự án phát triển nhà ở xã hội độc lập cho cán bộ, công chức, viên chức tại Khu dân cư Km4-Km5 phường Tân An, thành phố Buon Ma thuật. Theo Điều 5 Hợp đồng thì Công ty TNHH MTV C có trách nhiệm thực hiện việc sản xuất, thi công lắp đặt hoàn chỉnh hạng mục cửa UPVC theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi) được hai bên A và B chấp thuận, chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả trong phụ lục số 3, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

Về giá trị hợp đồng: Theo Điều 8 của Hợp đồng thì giá trị hợp đồng là 2.789.770 đồng.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty TNHH MTV C đã tập trung vốn, nhân lực để thi công các hạng mục đúng theo thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng. Ngày 02/8/2019 hai bên đã ký biên bản nghiệm thu số lượng và đến ngày 16/11/2020 hai bên tiếp tục ký bản nghiệm thu quyết toán số 01/2020 với tổng số tiền được quyết toán là 2.762.506 đồng.

Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 16/11/2020, Công ty Cổ phần S xác nhận còn nợ của Công ty TNHH M số tiền 1.014.079.000 đồng và Công ty C cam kết: Có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH M trong vòng 10 ngày sau khi dự án Nhà ở xã hội độc lập cho cán bộ, công chức, viên chức tại khu dân cư Km4-Km5 được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu.

Trong thời gian từ 16/11/2020 đến khi dự án được phê duyệt, nếu bên giao thầu được chủ đầu tư thanh toán thì bên giao thầu sẽ thanh toán một phần cho bên nhận thầu.

Nếu từ 16/11/2020 đến 05/02/2021 dự án chưa có quyết toán thì Công ty Cổ phần S phải trả tiếp cho Công ty TNHH MTV C số tiền là 300.000.000 đồng. Thời gian thực hiện trách nhiệm thanh toán chậm nhất 31/3/2021.

Đến nay dự án phát triển nhà ở xã hội độc lập cho cán bộ, công chức, viên chức tại Khu dân cư Km4-Km5 được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu là Công ty Cổ phần S. Tuy nhiên phía Công ty Cổ phần S chỉ tiếp tục thanh toán cho Công ty TNHH MTV C số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 914.079.000 đồng Công ty Cổ phần S cố tình chiếm dụng, không chịu thanh toán mặc dù đã qua thời gian cam kết thanh toán chậm nhất là ngày 31/3/2021, Công ty TNHH MTV C đã rất nhiều lần yêu cầu. Vì vậy Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần S phải thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền là 914.079.000 đồng.

- Tại phiên tòa Nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi từ 01/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn: Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho Bị đơn, nhưng Bị đơn không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ việc. Do vậy, Bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ của mình.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M, buộc Công ty Cổ Phần S thanh toán số tiền còn nợ 914.079.000đ cho Công ty TNHH M.

Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi chậm trả của Công ty TNHH M đối với Công ty Cổ phần S trên số tiền 914.079.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về phần thủ tục tố tụng : Công ty TNHH M khởi kiện Công ty Cổ phần S có Địa chỉ tại Hợp đồng tại 137 Lê T, phường H, quận H, thành phố Đ và địa chỉ đăng ký kinh doanh hiện nay tại Phòng 206B, số 21 T, phường P, quận H, thành phố Đ. Căn cứ khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy Hợp đồng được ký kết giữa các bên là tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều mục đích lợi nhuận; nội dung hợp đồng là giao thầu thi công cửa UPVC, thuộc trường hợp quy định tại Điểm d khoản 2 Điều 140 Luật Xây dựng. Bên giao thầu đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại trong hoạt động xây dựng thi công.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Ngày 18/5/2018 giữa Công ty TNHH MTV C (bên nhận thầu) và Công ty Cổ phần S (Bên giao thầu) ký kết với nhau Hợp đồng số 07/20218/HĐ/UPV về việc thi công cửa UPVC. Giá trị hợp đồng là 2.789.770 đồng. Việc ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, thỏa mãn các điều kiện của hợp đồng xây dựng quy định tại Điều 138, 140 Luật xây dựng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Sau khi Công ty TNHH MTV C hoàn tất các hạng mục thi công công trình theo yêu cầu của Công ty Cổ phần S, giữa hai bên đã tiến hành nghiệm thu số lượng và đến ngày 16/11/2020 hai bên tiếp tục ký bản nghiệm thu quyết toán số 01/2020 với tổng số tiền quyết toán là 2.762.506 đồng. Ngày 16/11/2020, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, theo đó Công ty Cổ phần S xác nhận còn nợ của Công ty TNHH MTV C số tiền 1.014.079.000 đồng và cam kết thực hiện trách nhiệm thanh toán chậm nhất ngày 31/3/2021. Tuy nhiên quá thời hạn cam kết, Công ty S mới chỉ thanh toán cho Công ty TNHH MTV C 100.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 914.079.000 đồng. Công ty TNHH MTV C đã yêu cầu nhiều lần nhưng Công ty S vẫn không thanh toán. Như vậy bên giao thầu đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 144 Luật Xây dựng nên bên nhận thầu khởi kiện yêu cầu bên giao thầu phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 914.079.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Tại biên bản đối chiếu công nợ các bên không thỏa thuận về lãi suất, đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất chậm trả kể từ ngày 01/4/2021 đến ngày 30/9/2021 đối với số tiền 914.079.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tính lãi; xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện; Căn cứ Điều khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với số tiền 914.079.000 đồng.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 138, 140, 144 Luật Xây dựng;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 147, 266, 267, 273 và khoản 2 Điều 227, Điều 228, k2 Điều 244 và Điều 269 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M với Công ty Cổ phần S.

Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần S phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH M số tiền là 914.079.000 đồng. (*chín trăm mười bốn triệu, không trăm bảy mươi chín ngàn đồng y*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi chậm trả của Công ty TNHH M với Công ty Cổ phần S trên số tiền 914.079.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần S phải chịu 39.422.370 đồng (*Ba mươi chín triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi đồng*). Hoàn trả cho Công ty TNHH M số tiền 12.281.580 (*Mười hai triệu hai trăm tám mươi một nghìn năm trăm tám mươi đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0005436 ngày 28/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đức Hoàng

Nơi nhận

